

Bản án số: 3/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Huyền T, sinh năm 06/10/1986;

Căn cước công dân số 075186015XXX cấp ngày 30/5/2023;

Địa chỉ: 453/73 KH L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh ngày 05/11/1979;

Căn cước công dân số 079079025XXX cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: 453/73 KH L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Huyền T trình bày:

Bà Võ Thị Huyền T (sau đây gọi là bà T) và ông Nguyễn Việt H (sau đây gọi là ông H) tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số XX, Quyền số XX/2008 ngày 17/3/2008.

Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, không cùng tiếng nói chung dẫn đến không thể hoà giải. Sau hơn một năm cố gắng nhưng không hoà giải được, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hoàng N (nam), sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Hoàng L (nữ), sinh ngày 26/3/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Việt H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Nguyên đơn bà T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông H nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn ông H có địa chỉ tại phường N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 18/12/2025 của bà T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền số 01/2008 ngày 17/3/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày: Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, không cùng tiếng nói chung dẫn đến không thể hoà giải. Sau hơn một năm cố gắng nhưng không hoà giải được, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

[7] Tại kết quả trả lời của Công an phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phiếu yêu cầu xác minh số 158/2025/PXM ngày 27/10/2025 cho biết: Ông Nguyễn Việt H hiện có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 453/73 KH L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Tại Công văn trả lời số 791/UBND-VP ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: vợ chồng bà Võ Thị Huyền T và ông Nguyễn Việt H có chung sống với nhau và có 2 (hai) con chung là Nguyễn Hoàng N sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Hoàng L sinh ngày 26/3/2013. Trong quá trình chung sống tại địa phương, địa phương chưa ghi nhận vụ việc hòa giải mâu thuẫn.

[9] Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình qui định căn cứ cho ly hôn là về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Để xem xét về đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, thì phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức tình trạng trầm trọng chưa. Mục đích hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt.

[10] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn từ trước tháng 08/2025. Trước đó bà T đã có thời gian hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng đến nay tình trạng hôn nhân giữa hai bên trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục.

[11] Xét, lời khai của bà T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và khẳng định không còn tình cảm với ông H. Đồng thời, ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà T, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và không thể hiện có thiện chí hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình

trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H.

[12] Về con chung: Tại Giấy khai sinh số 68 Quyển số 01/2009 ngày 20/4/2009 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện trẻ Nguyễn Hoàng N sinh ngày 29/3/2009 và tại Giấy khai sinh số 79 Quyển số 01/2013 ngày 13/5/2013 của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện trẻ Nguyễn Hoàng L sinh ngày 26/3/2013 là con của bà T và ông H.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Hoàng L. Đồng thời, hai trẻ xác nhận đang chung sống với mẹ và mong muốn được sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bà T là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai trẻ. Từ nhỏ, hai trẻ đã ở cùng với bà T và bản thân hai trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Hoàng L cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trẻ Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Hoàng L đủ 18 tuổi.

Ông H được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Huyền T:

1.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Huyền T được ly hôn với ông Nguyễn Việt H.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng N sinh ngày 29/3/2009 và Nguyễn Hoàng L sinh ngày 26/3/2013 cho bà Võ Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Việt H được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Huyền T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021839 ngày 01/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Huyền T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Võ Thị Huyền T và ông Nguyễn Việt H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thị hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Nhiều Lộc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh

